

CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN TRIỀU ĐẠI NAM QUỐC HEMID
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN TRIỀU ĐẠI NAM QUỐC HEMID

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HEMID THIEN TRIEU DAI NAM QUOC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HEMID JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109564318

3. Ngày thành lập: 23/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn 6, Xã Phú Cát, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0943176336/0931856336 Fax:

Email: bichnguyenngoc450@gmail.com Website:
m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
2.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
3.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
4.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai (trừ loại cấm)	0144
5.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
6.	Chăn nuôi gia cầm	0146
7.	Chăn nuôi khác	0149
8.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
9.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
10.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
11.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
12.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
13.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan (trừ loại cấm)	0170
14.	Khai thác gỗ (trừ loại cấm)	0220
15.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
16.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
17.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
18.	Khai thác thủy sản biển	0311
19.	Khai thác thủy sản nội địa	0312

20.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
21.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
22.	Khai thác quặng sắt (trừ loại cấm)	0710
23.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
24.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ loại cấm)	0730
25.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
26.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
27.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
28.	Khai thác muối	0893
29.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
30.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (trừ loại cấm)	2100
31.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa (trừ loại cấm)	0142
32.	Xây dựng nhà để ở	4101
33.	Xây dựng nhà không để ở	4102
34.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
35.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
36.	Xây dựng công trình điện	4221
37.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
38.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
39.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
40.	Xây dựng công trình thủy	4291
41.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
42.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
43.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
44.	Phá dỡ	4311
45.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
46.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
47.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
48.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
49.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
50.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn cà phê	4632
51.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
52.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662

53.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
54.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại cấm)	4690
55.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
56.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh Kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ	4773(Chính)
57.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
58.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
59.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
60.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
61.	Vận tải đường ống	4940
62.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
63.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
64.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
65.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
66.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
69.	Bốc xếp hàng hóa	5224
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
72.	Bưu chính	5310

73.	Chuyển phát	5320
74.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú	5510
75.	Cơ sở lưu trú khác	5590
76.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường)	5610
77.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
78.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
79.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh bán bar)	5630
80.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	5820
81.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
82.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
83.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
84.	Lập trình máy vi tính	6201
85.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
86.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. Hoạt động công nghiệp phần cứng Hoạt động công nghiệp phần mềm Hoạt động công nghiệp nội dung	6209
87.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
88.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
89.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;	6399
90.	Quản lý thị trường tài chính	6611
91.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán	6612
92.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
93.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
94.	Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội	6629

95.	Hoạt động quản lý quỹ Chi tiết: Hoạt động quản lý danh mục và quỹ trên cơ sở phí và hợp đồng cho cá nhân, doanh nghiệp hoặc loại khác như: quản lý quỹ hưu trí, quản lý quỹ tương hỗ, quản lý quỹ đầu tư khác.	6630
96.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
97.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật) Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản Quản lý vận hành nhà chung cư	6820
98.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế	6920
99.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

100.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động đo đạc bản đồ Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp Thiết kế cơ- điện công trình Thiết kế cấp - thoát nước công trình Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát địa hình Khảo sát địa chất công trình Giám sát công tác xây dựng Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng- công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Xác định thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng, phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá công xây dựng; Đo bóc khối lượng Xác định thẩm tra dự toán xây dựng Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng; quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng Thẩm tra thiết kế xây dựng Kiểm định xây dựng Tư vấn quản lý dự án	7110
101.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
102.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
103.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
104.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
105.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221

106.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
107.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
108.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
109.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
110.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán và hoạt động của các nhà báo độc lập)	7490
111.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
112.	Đại lý du lịch	7911
113.	Điều hành tua du lịch	7912
114.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
115.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
116.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
117.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
118.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
119.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ tổ chức họp báo)	8230
120.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
121.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
122.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720
123.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	8730
124.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
125.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công, thương bệnh binh, người già và người khuyết tật	8810
126.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác	8890

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC BÍCH	Thôn Hàng Com, Xã Việt Lập, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000.000	600.000.000.000	60,000	122139978	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	6.000.000	600.000.000.000	60,000		
2	NGUYỄN VIỆT HÙNG	207 K3 TT Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500.000	250.000.000.000	25,000	001060020275	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.500.000	250.000.000.000	25,000		

3	PHẠM LONG HẢI	1/9 Cao Thắng, Phường 17, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.000	150.000.000.000	15,000	056071000034
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.500.000	150.000.000.000	15,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/05/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001060020275

Ngày cấp: 06/03/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 207 K3 TT Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 207 K3 TT Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC BÍCH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *25/02/1964*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *122139978*

Ngày cấp: *18/09/2018*

Nơi cấp: *Công an Bắc Giang*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hàng Cơm, Xã Việt Lập, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Hàng Cơm, Xã Việt Lập, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*